

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 4 năm 2015

Số: 1086/LN-STC-VPĐP-SKH&ĐT-
SNN&PTNT-KBNN

HƯỚNG DẪN LIÊN NGÀNH

Về việc phân bổ, cấp phát, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2015

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 và Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2015; Văn bản số 4571/BTC-ĐT ngày 10/4/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý thanh toán, quyết toán vốn TPCP thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 và Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 quy định về cơ chế lồng ghép, quản lý và mức hỗ trợ của các nguồn vốn để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn các Chương trình MTQG năm 2015 và Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2015;

Liên ngành: Sở Tài chính, Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Kho bạc Nhà nước tỉnh hướng dẫn một số nội dung liên quan đến công tác phân bổ, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2015 như sau:

I. PHÂN BỐ VÀ CẤP PHÁT

1. Phân bổ vốn

1.1. Đối với cấp huyện

Căn cứ quyết định phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND cấp huyện (đối với nguồn vốn cấp huyện bố trí thực hiện chương trình), UBND cấp huyện thực hiện phân bổ hoặc thông báo số vốn thực hiện của từng đơn vị, từng xã chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi Hướng dẫn này có hiệu lực để các đơn vị, các xã có căn cứ triển khai thực hiện; trong đó, lưu ý:

- UBND cấp huyện quyết định hoặc thông báo cho các đơn vị, các xã theo mức đã quy định theo loại nhóm xã; riêng đối với những nội dung chưa xác định được đơn vị thực hiện thuộc thẩm quyền của cấp huyện, UBND cấp huyện phải tiến hành khảo sát, lựa chọn, có phương án giao đơn vị hoặc xã thực hiện cụ thể hoàn thành việc phân bổ trong tháng 5/2015 để các đơn vị, các xã được giao thực hiện kịp thời.

- Đối với vốn hỗ trợ lãi suất: Thông báo mức được hỗ trợ cho các xã, phân bổ chung để ở cấp huyện, thanh toán theo thực tế thực hiện.

- Đối với những nội dung, công việc có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp (như xây dựng mô hình sản xuất có liên kết với doanh nghiệp do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Công thương chỉ đạo, hướng dẫn; Mô hình theo tiêu chí thuộc các Sở, ngành chỉ đạo, hướng dẫn), khi có sự thống nhất về việc phân bổ, UBND cấp huyện thông báo cho các xã tổ chức thực hiện.

- Đối với vốn ngân sách cấp huyện bố trí thực hiện Chương trình, UBND cấp huyện chủ động phân bổ kịp thời cho các đơn vị, các xã triển khai thực hiện.

1.2. Đối với các xã

Căn cứ Quyết định hoặc Thông báo của UBND huyện về phân bổ vốn trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới xã được phân bổ, UBND các xã phân bổ chi tiết đến từng nội dung, công việc sử dụng đảm bảo phù hợp với quy định của từng nguồn vốn chậm nhất hoàn thành việc phân bổ trước ngày 30/5/2015; trong đó lưu ý:

a. Đối với vốn đầu tư phát triển:

- Phải phân bổ chi tiết đến từng công trình, xác định rõ số tiền theo từng loại nguồn vốn (vốn trái phiếu chính phủ, vốn ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, cấp xã bố trí trực tiếp thực hiện chương trình, vốn tự huy động, vốn khác) đối với từng công trình.

- Việc phân bổ cần hướng tới mục tiêu hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới; trong đó, ưu tiên phân bổ vốn thực hiện đầu tư xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, nước sạch và vệ sinh môi trường, cơ sở hạ tầng thiết chế văn hóa, thể thao (theo Nghị quyết số 55/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh), các trường học mới nhập, trạm y tế chưa đạt chuẩn và hạ tầng thiết yếu khác; ưu tiên thực hiện ở thôn, xóm.

- Đối với tiền thưởng công trình của 19 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2014 theo Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 của UBND tỉnh phải phân bổ để xây dựng công trình có ý nghĩa của phần thưởng (nên xây dựng công trình văn hoá phúc lợi chung toàn xã). Việc lựa chọn công trình phải được sự thống nhất của UBND cấp huyện và Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

b. Đối với vốn sự nghiệp:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất:
 - + Đối với mô hình quy mô kinh tế hộ liên kết với doanh nghiệp do sở ngành và cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện (tại điểm 1 mục II phần B Phục lục 1): Phân bổ cụ thể từng mô hình (có địa chỉ theo xã), Ban quản lý Chương trình nông thôn mới tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của các Sở, ngành - đối với mô hình sở ngành chỉ đạo, hướng dẫn; của UBND cấp huyện - đối với mô hình do cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn.
 - + Xây dựng mô hình sản xuất: Phân bổ cụ thể đến từng mô hình được hỗ trợ, sau khi đã khảo sát, lựa chọn, có cam kết thực hiện của chủ mô hình, nhất là đảm bảo kinh phí đối ứng.
 - + Hỗ trợ phát triển sản xuất khác: Phân bổ cụ thể đến từng nội dung, đối tượng hỗ trợ.
 - Vốn sự nghiệp khác: Phân bổ cụ thể đến từng nội dung, đối tượng, mức hỗ trợ.
 - Hỗ trợ xây dựng mô hình theo tiêu chí các Sở, ngành: Thực hiện theo Thông báo của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.
 - Đối với vốn hỗ trợ xây dựng vườn mẫu, Khu dân cư mẫu: Phân bổ cụ thể đối với từng vườn mẫu, khu dân cư mẫu.
 - Đối với vốn hỗ trợ xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Phân bổ cụ thể đến nội dung, công việc thực hiện sau khi có sự thống nhất của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh (UBND xã và UBND cấp huyện đề xuất nội dung, công việc thực hiện theo hướng xây dựng mới hoặc nâng cấp mô hình điển hình đã có đảm bảo trở thành mẫu hình nổi bật, tạo điểm nhấn đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu).
 - Đối với vốn hỗ trợ điều chỉnh Đề án xây dựng nông thôn mới, Đề án phát triển sản xuất nâng cao thu nhập dân cư nông thôn, hỗ trợ mua chế phẩm sinh học Hatimic, hỗ trợ lãi suất, kinh phí tuyên truyền, kinh phí quản lý phân bổ theo nội dung đã ghi đích danh.
- Sau khi có Quyết định phân bổ vốn, chậm nhất 5 ngày UBND xã phải tổng hợp báo cáo kết quả phân bổ về UBND cấp huyện, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Trường hợp việc phân bổ vốn của xã không phù hợp với quy định, định hướng của cấp trên, UBND cấp huyện có văn bản yêu cầu UBND xã thực hiện điều chỉnh cho phù hợp.

2. Cấp phát vốn

2.1. Đối với vốn Trái phiếu Chính phủ: Được chuyển trực tiếp cho Ban Quản lý xây dựng NTM xã (không qua ngân sách cấp huyện và cấp xã); Quy trình cấp phát vốn cụ thể như sau:

- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã cung cấp cho Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh (qua UBND cấp huyện tổng hợp gửi): Quyết định phân bổ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ (chi tiết đến từng công trình); quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền và gửi Mã dự án đầu tư (trường hợp chưa có mã thì phải tiến hành làm thủ tục mở mã dự án đầu tư) cho Sở Tài chính (có thể qua Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện). Khi đủ các loại hồ sơ đó Sở Tài chính thực hiện nhập dự toán vào hệ thống TABMIS theo quy định.

- Căn cứ vào số dư dự toán vốn Trái phiếu Chính phủ, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã trực tiếp làm thủ tục tạm ứng hoặc thanh toán vốn tại KBNN cấp huyện theo đúng quy định về quản lý, thanh toán và quyết toán nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

2.2. Đối với vốn Ngân sách Trung ương, tỉnh

a. Cấp phát vốn cho các địa phương

Nguồn vốn ngân sách Trung ương, tỉnh trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được cấp cho các địa phương thông qua hình thức chi bổ sung có mục tiêu (qua ngân sách cấp huyện).

b. Cấp phát vốn cho các đơn vị cấp tỉnh

Các đơn vị cấp tỉnh lập phương án và dự toán kinh phí gửi Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh. Sở Tài chính căn cứ đề xuất của đơn vị và ý kiến của Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh làm thủ tục cấp phát kinh phí cho các đơn vị theo đúng quy định.

II. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG

1. Vốn đầu tư phát triển:

1.1. Xác định danh mục các công trình:

Nguồn ngân sách đầu tư phát triển năm 2015 thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới được thực hiện căn cứ vào Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội cấp xã được duyệt (được lập theo hướng dẫn tại Sổ tay hướng dẫn lập Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội cấp xã của UBND tỉnh Hà Tĩnh, Sổ tay Hướng dẫn lập kế hoạch xây dựng NTM hàng năm với sự tham gia của cộng đồng dân cư (cấp xã)), Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các quy định về quản lý, sử dụng vốn nông thôn mới và chỉ đạo của UBND, Ban Chỉ đạo Chương trình NTM tỉnh để lựa chọn danh mục các công trình, dự án nhằm mục tiêu hoàn thành và nâng cao mức chuẩn các tiêu chí nông thôn mới. Số vốn bố trí cho các công trình căn cứ trên cơ sở nguồn vốn được phân bổ, tỷ lệ được sử dụng vốn theo Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh.

1.2. Phân loại, quy trình và thủ tục hồ sơ đầu tư xây dựng:

a. Phân loại các công trình và hồ sơ theo các loại công trình:

- Phân loại:

+ Các công trình lập dự toán công trình, không cần lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng có mức vốn đầu tư dưới 03 tỷ đồng, có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, có kỹ thuật đơn giản và áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế định hình, nằm trên địa bàn thôn, bản.

+ Các công trình lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng có quy mô dưới 15 tỷ đồng, trừ các đối tượng chỉ phải lập Dự toán công trình nêu trên.

+ Các công trình lập Dự án đầu tư: Các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng có quy mô từ 15 tỷ đồng trở lên, không kể tính chất, yêu cầu hay địa bàn triển khai.

- Danh mục công trình được áp dụng chỉ cần lập Dự toán công trình để thực hiện (không phải lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, không phải thiết kế mà được sử

dụng thiết kế định hình nếu cần bản vẽ thiết kế) do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định trên cơ sở đề xuất của UBND xã và được UBND cấp huyện thông báo cụ thể cho từng xã có lưu ý tiêu chuẩn kỹ thuật theo chuẩn nông thôn mới.

- Hồ sơ lập và quy trình phê duyệt, lựa chọn nhà thầu:

+ Đối với các công trình chỉ lập Dự toán công trình: quy định tại khoản 1, điều 1, Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 28/4/2014.

+ Đối với các công trình lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Quy định tại điểm 2.2, khoản 2, điều 5, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND tỉnh.

+ Đối với các công trình lập Dự án đầu tư: Thực hiện theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng công trình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b. Về xác định nguồn vốn đầu tư các công trình:

- Việc lập, phê duyệt Dự toán công trình, Báo cáo kinh tế kỹ thuật, Dự án đầu tư công trình cần xác định rõ cân đối nguồn vốn của các công trình theo đúng tinh thần Chỉ thị 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ: Xác định rõ khả năng bố trí của từng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; nguồn hỗ trợ ngân sách cấp trên; nguồn ngân sách cấp xã; nguồn tài trợ; nguồn huy động khác (nêu rõ nguồn) và được thể hiện trong quyết định phê duyệt.

- Trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư phải xác định rõ nguồn vốn thực hiện; đồng thời, phải quy định khống chế mức tối đa đối với nguồn vốn NSNN theo Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh (gồm cả Trái phiếu Chính phủ thực hiện chương trình) trong tổng nguồn vốn thực hiện, đảm bảo phục vụ cho công tác kiểm soát của KBNN và quản lý của các cơ quan liên quan, tránh trường hợp sử dụng vốn sai tính chất, vượt tỷ lệ nguồn vốn quy định của UBND tỉnh...

Lưu ý:

- Các công trình sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ chiếm dưới 50%, Ban Quản lý xã thống nhất với nhà tài trợ quyết định cơ chế quản lý phân vốn (nếu có). Trường hợp Ban Quản lý xã và nhà tài trợ không có cơ chế riêng quản lý vốn thì quản lý theo các quy định tại Quyết định 19/2012/QĐ-UBND và Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND. Việc xây dựng cơ chế quản lý vốn của Ban Quản lý xã và Nhà tài trợ phải đảm bảo công khai, minh bạch, sử dụng có hiệu quả phân vốn ngân sách Nhà nước cũng như vốn tài trợ.

- Không sử dụng nguồn vốn thực hiện chương trình nông thôn mới (nguồn ngân sách) để xây dựng hoặc hỗ trợ xây dựng hàng rào cứng bằng bê tông, gạch; khuyến khích làm hàng rào bằng cây xanh.

- Đối với các công trình sử dụng tiền thưởng của 19 xã đạt chuẩn năm 2014 theo Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 của UBND tỉnh không bắt buộc thực hiện theo cơ chế tại quy định Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh, tỷ lệ nguồn vốn thưởng đảm bảo trên 50% tổng kinh phí xây dựng; phải có gắn biển ghi rõ công trình UBND tỉnh thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới. Trường hợp có sử dụng thêm vốn nông thôn mới

(ngoài số vốn tiền thường) thì toàn bộ công trình phải thực hiện theo cơ chế tại quy định Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

- Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Quyết định 19/2012/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 và Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND tỉnh.

2. Nguồn vốn sự nghiệp

2.1. Đối với vốn phát triển sản xuất

2.1.1. Đối với hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất có liên kết (do địa phương trực tiếp thực hiện)

a. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các nội dung để xây dựng mô hình sản xuất có liên kết với doanh nghiệp, trong đó có ít nhất khâu liên kết tiêu thụ sản phẩm, trường hợp chưa liên kết được khâu tiêu thụ ít nhất phải có liên kết khâu giống (đảm bảo cung cấp giống mới) hoặc khâu kỹ thuật có ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến, ưu tiên phát triển các mô hình thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

b. Định mức hỗ trợ:

- Định mức hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh.

c. Quy trình thực hiện:

- Ban quản lý Chương trình nông thôn mới phải tổ chức khảo sát, lựa chọn xây dựng mô hình sản xuất phân theo 3 loại quy mô (đối với các xã đăng ký đạt chuẩn năm 2015 mỗi xã phải xây dựng mới tối thiểu 01 mô hình quy mô lớn (doanh thu trên 1 tỷ đồng/năm), 02 mô hình quy mô vừa (doanh thu từ 501 triệu đồng đến 1 tỷ đồng) và 02 mô hình quy mô nhỏ (doanh thu từ 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng), đối với các xã còn lại mỗi xã phải xây dựng mới ít nhất 02 mô hình quy mô nhỏ). Đối với mô hình do tính chất trong năm chưa tạo ra sản phẩm thì doanh thu được xác định là doanh thu dự tính theo phương án sản xuất đã được duyệt, đảm bảo tính khả thi.

- Ban quản lý Chương trình NTM xã lập phương án - dự toán trình UBND cấp huyện thẩm định, sau khi có Văn bản thẩm định của UBND cấp huyện, UBND xã phê duyệt, Ban quản lý Chương trình NTM xã tổ chức thực hiện.

2.1.2. Vốn hỗ trợ xây dựng mô hình khác:

a) Nội dung hỗ trợ: Ưu tiên phát triển các mô hình gắn với thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, mô hình sản xuất có liên kết theo Quyết định 601/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh.

b. Định mức hỗ trợ: Định mức hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh.

c. Quy trình thực hiện: Ban quản lý Chương trình NTM xã lập Phương án - Dự toán trình UBND cấp huyện thẩm định, sau khi có Văn bản thẩm định của UBND cấp huyện, UBND xã phê duyệt, Ban quản lý Chương trình NTM xã tổ chức thực hiện.

2.1.3. Xây dựng các mô hình sản xuất quy mô kinh tế hộ liên kết với doanh nghiệp, cụ thể:

a. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các nội dung để xây dựng các mô hình sản xuất có liên kết với doanh nghiệp, có hợp đồng liên kết; mỗi mô hình có ít nhất 10 hộ

tham gia; doanh thu đạt trên 01 tỷ đồng/năm (mỗi huyện chỉ đạo xây dựng 01 mô hình; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo xây dựng 10 mô hình; Sở Công thương chỉ đạo xây dựng 02 mô hình).

b. Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh.

c. Quy trình thực hiện:

- Đối với mô hình cấp huyện chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng:

+ UBND cấp huyện lựa chọn địa điểm, mô hình cụ thể thông báo cho xã.

+ Ban quản lý Chương trình NTM xã lập Phương án - Dự toán trình UBND cấp huyện thẩm định, sau khi có Văn bản thẩm định của UBND cấp huyện, UBND xã phê duyệt, Ban quản lý Chương trình NTM xã tổ chức thực hiện.

+ UBND cấp huyện chịu trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo và hướng dẫn các xã triển khai thực hiện, hoàn thành đúng yêu cầu của UBND tỉnh.

- Đối với mô hình giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (10 mô hình) và Sở Công Thương (02 mô hình) chỉ đạo thực hiện:

+ Các Sở được giao chỉ đạo xây dựng mô hình phối hợp với các địa phương lựa chọn địa điểm, mô hình thực hiện, gửi văn bản đề xuất về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh (cùng với văn bản đề xuất của UBND xã và UBND huyện); Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ và giao cho các sở, các địa phương triển khai thực hiện; Sở Tài chính sẽ cấp kinh phí cho UBND xã qua ngân sách cấp huyện.

+ Ban quản lý Chương trình NTM xã lập Phương án - Dự toán trình các Sở được giao chỉ đạo thẩm định; sau khi có Văn bản thẩm định của các Sở, UBND xã phê duyệt, Ban quản lý Chương trình NTM xã tổ chức thực hiện.

+ Các sở được giao trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn các xã thực hiện đúng yêu cầu theo Phương án - Dự toán được duyệt và tham gia chứng kiến nghiệm thu.

2.1.4. Hỗ trợ phát triển sản xuất khác

a. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ để khuyến khích phát triển sản xuất như hỗ trợ giống mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất; hỗ trợ mua máy móc, thiết bị gieo trồng, chăn nuôi, thu hoạch, xây dựng mô hình sản xuất...

b. Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh.

c. Quy trình thực hiện: Ban quản lý Chương trình NTM xã lập Phương án - Dự toán trình UBND cấp huyện thẩm định, sau khi có Văn bản thẩm định của UBND cấp huyện, UBND xã phê duyệt, Ban quản lý Chương trình NTM xã tổ chức thực hiện.

Lưu ý:

- Ngoài số vốn tỉnh hỗ trợ để xây dựng các mô hình theo Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 của UBND tỉnh, các địa phương được huy động, lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ thực hiện mô hình nhưng không được trái với các quy định hiện hành của nhà nước.

- Ngoài các nội dung đã được hỗ trợ từ nguồn vốn nông thôn mới, các mô hình sản xuất vẫn được hưởng các chính sách hỗ trợ khác của Trung ương, tỉnh còn hiệu lực nếu không trùng nội dung hỗ trợ.

2.2. Điều chỉnh Đề án xây dựng nông thôn mới và Đề án phát triển sản xuất nâng cao thu nhập dân cư nông thôn: Hỗ trợ xã để triển khai thực hiện việc điều chỉnh Đề án xây dựng nông thôn mới và Đề án phát triển sản xuất nâng cao thu nhập dân cư nông thôn đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; phù hợp với mục tiêu của Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã trong thời kỳ 2016-2020 và các quy hoạch, đề án của tỉnh và huyện, thành phố, thị xã.

2.3. Hỗ trợ giải quyết vấn đề môi trường: Hỗ trợ xã giải quyết các vấn đề về môi trường như xử lý nước sinh hoạt; thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải...

2.4. Vốn sự nghiệp khác: Hỗ trợ xã để thực hiện các nhiệm vụ ngoài phát triển sản xuất như: mua sắm trang thiết bị tuyên truyền thiết thực, quy hoạch, tham quan học tập kinh nghiệm...

2.3. Đối với xây dựng Khu dân cư kiểu mẫu

a. Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ để thực hiện các nội dung theo 10 tiêu chí của Khu dân cư mẫu; ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, hàng rào xanh, nước sạch và vệ sinh môi trường, sử dụng chế phẩm sinh học trong sản xuất phân hữu cơ, xử lý môi trường....

b. Định mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh.

- Đối với những khu dân cư mẫu đã được hưởng chính sách hỗ trợ tại Quyết định số 1231/QĐ-UBND của UBND tỉnh thì không được hưởng thêm chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh nếu trùng nội dung.

c. Quy trình thực hiện:

- Ban quản lý Chương trình NTM xã lập phương án - dự toán trình UBND xã phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất về nội dung thực hiện của Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh (đối với Khu dân cư kiểu mẫu cấp huyện hoặc xã sử dụng ngân sách cấp huyện, cấp xã xây dựng, không phải xin ý kiến của VPĐP nông thôn mới tỉnh) và tổ chức thực hiện.

2.4. Đối với xây dựng vườn mẫu

a. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các nội dung để xây dựng vườn mẫu tại các hộ gia đình; ưu tiên các nội dung: quy hoạch vườn, hỗ trợ giống cây làm hàng rào xanh, cây ăn quả, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới, sử dụng chế phẩm sinh học trong sản xuất phân hữu cơ, xử lý môi trường...

b. Định mức hỗ trợ:

- Định mức hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh.

- Đối với những vườn mẫu đã được hưởng chính sách hỗ trợ tại Quyết định số 1231/QĐ-UBND của UBND tỉnh thì không được hưởng thêm chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c. Quy trình thực hiện:

- UBND cấp huyện và UBND xã lựa chọn các hộ đủ điều kiện để thực hiện xây dựng vườn mẫu.

- Ban quản lý xây dựng NTM xã lập phương án - dự toán trình UBND xã phê duyệt (sau khi có ý kiến thống nhất của Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh về nội dung) và tổ chức thực hiện.

- Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các xã triển khai thực hiện.

- Đối với các vườn mẫu thực hiện từ nguồn vốn NS cấp huyện, cấp xã: Quy trình thực hiện do UBND cấp huyện và cấp xã quyết định.

2.5. Hỗ trợ công trình vệ sinh hộ gia đình (lồng ghép thực hiện Dự án CHOBA):

a. Đối tượng: Hộ gia đình thực hiện Dự án CHOBA.

b. Nội dung: Hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh hộ gia đình thực hiện dự án CHOBA.

c. Quy trình thực hiện: căn cứ Biên bản nghiệm thu công trình thực hiện Dự án CHOBA, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã làm thủ tục thanh toán trực tiếp cho các hộ gia đình được hỗ trợ (Hội Liên hiệp Phụ nữ xã phối hợp trong quá trình chi trả). Mỗi hộ gia đình chỉ được hỗ trợ một lần, không phân biệt thời gian nghiệm thu công trình.

2.6. Hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

a. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các xã lựa chọn một hoặc một số mô hình điển hình tiêu biểu để triển khai thực hiện, làm mẫu cho các địa phương trong tỉnh đến học tập, tham quan và nhân rộng mô hình.

b. Định mức hỗ trợ: Định mức hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh.

c. Quy trình thực hiện:

- UBND cấp huyện phối hợp với UBND xã lựa chọn mô hình đủ điều kiện để thực hiện.

- Ban Quản lý Chương trình NTM xã lập phương án - dự toán trình UBND xã phê duyệt (sau khi có ý kiến thống nhất của Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh về nội dung) và tổ chức thực hiện.

2.7. Hỗ trợ mua chế phẩm sinh học Hatimic

a. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ mua chế phẩm sinh học Hatimic theo Đề án “Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất phân hữu cơ vi sinh giai đoạn 2014-2016, định hướng đến năm 2020” đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 28/4/2014.

b. Quy trình thực hiện:

- Trên cơ sở danh sách đăng ký nhu cầu của nhân dân, căn cứ nguồn kinh phí được phân bổ, Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học & Công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Ban quản lý Chương trình NTM xã thống nhất danh sách các hộ, các cơ sở SXKD đăng ký sử dụng chế phẩm và thực hiện ký kết hợp đồng mua bán, cung cấp, chế phẩm và hướng dẫn thực hiện.

- UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học & Công nghệ và Ban quản lý Chương trình nông thôn mới xã tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện.

2.8. Kinh phí xây dựng mô hình theo tiêu chí Sở ngành

a. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các nội dung để xây dựng các mô hình theo tiêu chí của các sở ngành.

b. Định mức hỗ trợ: Định mức hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh.

c. Quy trình thực hiện:

- Các sở ngành phối hợp với các địa phương lựa chọn mô hình, địa điểm thực hiện và gửi văn bản đề xuất về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh (cùng với văn bản đề xuất của xã và UBND cấp huyện), Văn phòng điều phối NTM tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành (chỉ đạo mô hình) phân bổ cho các xã và chỉ đạo, thực hiện. Trên cơ sở phân bổ và thông báo của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí cho các xã qua ngân sách cấp huyện.

- Đối với các Sở ngành (có mô hình được lựa chọn):

+ Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các xã lập Phương án - Dự toán và tổ chức thực hiện, đảm bảo hoàn thành tốt mô hình được đăng ký.

+ Thực hiện thẩm định Phương án - Dự toán thực hiện của xã và chỉ đạo, kiểm tra và tham gia nghiệm thu kết quả thực hiện.

- Đối với xã (có mô hình triển khai trên địa bàn):

+ Lập Phương án - Dự toán trình các sở, ngành thẩm định, sau khi có Văn bản thẩm định của Sở, ngành, UBND xã phê duyệt, Ban quản lý Chương trình NTM xã tổ chức thực hiện.

+ Tổ chức triển khai xây dựng mô hình theo chỉ đạo, hướng dẫn của các sở ngành và Phương án - Dự toán được duyệt.

Kinh phí hỗ trợ được chuyển về cấp xã để triển khai thực hiện, trong đó dành ít nhất 85% kinh phí trực tiếp xây dựng mô hình; kinh phí quản lý, chỉ đạo tối đa không quá 5%; kinh phí hướng dẫn, kiểm tra tối đa không quá 10%.

2.9. Đối với xây dựng các mô hình đã giao Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Hội Nông dân tỉnh thực hiện

- Kinh phí chuyển về Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh và Hội nông dân tỉnh để quản lý và triển khai thực hiện mô hình (đơn vị được giao thực hiện mô hình).

- Các đơn vị được giao thực hiện mô hình phối hợp với các địa phương lựa chọn địa điểm, lập và phê duyệt Phương án - Dự toán (sau khi được sự thống nhất của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh về nội dung) để triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành tốt mô hình đăng ký.

2.10. Đối với vốn hỗ trợ lãi suất

- Căn cứ định mức phân bổ cho xã, UBND cấp huyện cấp phát theo đề xuất của các xã (có thể giải quyết ứng từng đợt cho xã chủ động); cấp huyện được chủ động điều chuyển nguồn vốn giữa các xã. Các xã được chủ động triển khai thực hiện và nếu sử dụng vượt chỉ tiêu thông báo thì báo cáo UBND cấp huyện để điều chỉnh bổ sung. Đến ngày 30/10/2015 UBND cấp huyện gửi báo cáo kết quả thực hiện và dự kiến thực hiện hết năm 2015 về Sở Tài chính và Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh để tham mưu UBND tỉnh xem xét điều chuyển nguồn giữa các huyện, thành phố, thị xã.

- Đối tượng, nội dung, quy trình hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định về thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và các văn bản hướng dẫn thực hiện (Văn bản số 3739/HD-SNN ngày 11/9/2014 của Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Văn bản số 885/SCT-KHTC ngày 03/9/2014 của Sở Công thương hướng dẫn việc xác định đối tượng và trình tự, thủ tục thực hiện); Văn số 2462/STC-NSHX ngày 30/9/2014 hướng dẫn việc thực hiện kiểm tra để xác định điều kiện, số tiền hỗ trợ lãi suất vay theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Thực hiện chi trả hỗ trợ: Căn cứ kế hoạch vốn được phân bổ (trường hợp thiếu có thể tạm ứng nguồn khác), Giấy xác nhận hoặc Bảng kê xác nhận lãi vay khách hàng được hỗ trợ do Tổ chức tín dụng cung cấp, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã kiểm tra, thanh toán.

2.11. Một số nội dung khác

2.11.1. Kinh phí đào tạo, tuyên truyền tập huấn cấp huyện (kinh phí để tại cấp huyện để tổ chức thực hiện)

- Đào tạo cán bộ nông thôn mới cấp thôn:

+ Đối tượng: Bí thư, Phó Bí thư; Thôn trưởng, Phó Thôn trưởng.

+ Nội dung: đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng chỉ đạo, quản lý và vận động nhân dân thực hiện xây dựng nông thôn mới; kỹ năng vận động các hộ dân tham gia sản xuất kinh doanh,...

+ Quy trình thực hiện: cấp huyện xây dựng nội dung, kế hoạch (mỗi huyện tổ chức ít nhất 01 lớp); khi triển khai thực hiện có sự thống nhất với Trường Chính trị Trần phú; UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thanh quyết toán nguồn kinh phí (có thể giao Văn phòng Điều phối cấp huyện thực hiện việc thanh, quyết toán).

- Đào tạo kỹ năng chỉ đạo, điều phối, tư vấn xây dựng mô hình; văn hóa nông thôn (120 giá trị sống) và kiến thức quản trị kinh doanh cho các loại hình tổ chức sản xuất; nhân tố hạt nhân cho cộng đồng:

+ Đối tượng: cán bộ nông thôn mới cấp xã và các hộ dân.

+ Nội dung: Đào tạo các kỹ năng chỉ đạo, điều phối, tư vấn xây dựng mô hình và văn hóa nông thôn (120 giá trị sống), kiến thức quản trị kinh doanh cho các loại hình tổ chức sản xuất và đào tạo nhân tố hạt nhân trong xây dựng mô hình cho cộng đồng và kỹ năng vận dụng, nhân rộng những mô hình điển hình.

+ Quy trình thực hiện: cấp huyện lập kế hoạch và Phương án – dự toán (có sự thống nhất của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh) để triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm thanh, quyết toán nguồn kinh phí.

- Kinh phí Ngân sách trung ương và tỉnh hỗ trợ tuyên truyền: Chủ yếu mua trang thiết bị phục vụ tuyên truyền theo định hướng của Văn phòng điều phối cấp huyện.

- Tập huấn về quản lý, giám sát: cấp huyện tổ chức ít nhất 01 lớp về tập huấn quản lý sử dụng vốn, tập huấn giám sát cộng đồng và tập huấn khác; khi triển khai thực hiện phải xây dựng nội dung, kế hoạch.

2.11.2. Kinh phí đào tạo, tuyên truyền tập huấn cấp tỉnh

- Đào tạo cán bộ xây dựng nông thôn mới do Trường Chính trị Trần Phú chủ trì, tổ chức thực hiện:

+ Đối tượng: cán bộ nông thôn mới cấp xã (gồm: Bí thư, Phó Bí thư Đảng Ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã), các chủ mô hình và cán bộ giảng viên cấp huyện.

+ Nội dung: Xây dựng biên soạn tài liệu, đào tạo bổ sung chuyên đề mới, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng chỉ đạo, quản lý và vận động thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; đào tạo nhân tố hạt nhân cho cộng đồng và các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại; đào tạo đội ngũ giảng viên cấp huyện.

+ Quy trình thực hiện: Trường Chính trị Trần Phú xây dựng nội dung, kế hoạch (có sự thống nhất của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh) và phối hợp với các địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo Kế hoạch UBND tỉnh phê duyệt và chịu trách nhiệm thanh, quyết toán nguồn kinh phí.

- Đào tạo, tập huấn do Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh chủ trì cùng phối hợp với các đơn vị thực hiện:

+ Đối tượng: cán bộ Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp và cán bộ chuyên trách nông thôn mới xã, các chủ mô hình,...

+ Nội dung: Tập huấn xây dựng khu dân cư mẫu, vườn mẫu, tập huấn sử dụng phần mềm bộ chỉ số, tập huấn các cơ chế chính sách và các tập huấn khác. Đào tạo kỹ năng chỉ đạo, điều phối, tư vấn xây dựng mô hình; văn hóa nông thôn (120 giá trị sống) và kiến thức quản trị kinh doanh cho các loại hình tổ chức sản xuất.

+ Quy trình thực hiện: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh xây dựng nội dung, kế hoạch, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm thanh, quyết toán kinh phí.

- Trang web, in ấn quảng bá mô hình điển hình và tuyên truyền khác (do Văn phòng Điều phối NTM tỉnh chủ trì cùng phối hợp với các đơn vị khác): thực hiện duy trì hoạt động trang thông tin điện tử của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, tuyên truyền và quảng bá các mô hình tiêu biểu, điển hình trong xây dựng nông thôn mới...

- Hỗ trợ tuyên truyền, tập huấn cho các tổ chức khác: các đơn vị được giao kinh phí thực hiện xây dựng kế hoạch và Phương án - Dự toán (có sự thống nhất của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh), triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm thanh, quyết toán nguồn kinh phí.

2.11.3. Kinh phí quản lý chỉ đạo cấp xã: hỗ trợ một phần cho cấp xã kinh phí quản lý, chỉ đạo thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn.

- Đối với nguồn vốn ngân sách thuộc các chương trình MTQG, chương trình hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn lồng ghép để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thì việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán được thực hiện theo quy định cụ thể của từng chương trình, mục tiêu. Trường hợp có sử dụng vốn trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thì nội dung công việc đó phải đảm bảo theo cơ chế hỗ trợ vốn từ

ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh.

- Việc lựa chọn các mô hình đủ điều kiện được hỗ trợ phải được công khai và đảm bảo mô hình hỗ trợ phải được hoàn thành, hoạt động có hiệu quả.

III. THỦ TỤC TẠM ỨNG, THANH TOÁN

1. Mở tài khoản:

a. Ban Quản lý Chương trình nông thôn mới xã mở tài khoản đầu tư XDCB tại Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản giao dịch của ngân sách xã) để làm tài khoản giao dịch.

b. Ban Quản lý Chương trình nông thôn mới xã sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã để thực hiện giao dịch tại Kho bạc Nhà nước.

2. Đối với vốn đầu tư phát triển:

2.1. Hồ sơ dự án, mức vốn tạm ứng, và thanh toán khối lượng hoàn thành:

Hồ sơ, tài liệu ban đầu; từng lần tạm ứng, thanh toán thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn; Văn bản số 4571/BTC-ĐT ngày 10/4/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn quản lý thanh toán, quyết toán vốn TPCP thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới; Văn bản số 1267/BTC-ĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Tài Chính về việc thanh toán vốn đầu tư theo quy định tại Nghị định 207/2013/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

2.1.1. Đối với hồ sơ pháp lý ban đầu:

a. Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt;
- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;
- Hợp đồng giữa Chủ đầu tư với nhà thầu;
- Kế hoạch vốn hàng năm do UBND xã thông báo.

b. Đối với dự án thực hiện đầu tư:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền;

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định của pháp luật (trừ các tài liệu mang tính kỹ thuật, đề xuất của nhà thầu);

- Kế hoạch vốn hàng năm do UBND xã thông báo.

2.1.2. Hồ sơ từng lần tạm ứng, thanh toán:

* Hồ sơ tạm ứng:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Giấy rút vốn đầu tư;

- Bảo lãnh tạm ứng (bắt buộc theo quy định của hợp đồng trừ trường hợp giao cho cộng đồng dân cư thôn (những người hưởng lợi trực tiếp từ Chương trình) tự thực hiện xây dựng).

Mức vốn tạm ứng: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN; Công văn 5167/BTC-ĐT ngày 22/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thanh toán vốn đầu tư từ kế hoạch năm 2014.

* Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành:

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán (theo Phụ lục số 04, Thông tư 28/2012/TT-BTC);

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (theo Phụ lục số 03, Thông tư 28/2012/TT-BTC);

+ Giấy rút vốn đầu tư;

+ Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (nếu có).

2.2. Quy định cụ thể một số nội dung thanh toán:

a. Gói thầu người dân, cộng đồng dân cư trong xã tự làm:

- Đối với những gói thầu có kỹ thuật đơn giản, khối lượng công việc chủ yếu sử dụng lao động thủ công, nhà nước đầu tư đến 3 tỉ đồng, mà người dân trong xã làm được, thì chủ đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án để người dân trong xã thực hiện thi công và tự chịu trách nhiệm của mình trước pháp luật.

- Khi thực hiện hình thức này phải có giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Hồ sơ thủ tục tạm ứng, thanh toán như sau:

+ Văn bản chấp thuận của người quyết định đầu tư cho phép người dân tự làm (nếu chưa quy định trong quyết định phê duyệt dự án)

+ Hợp đồng giữa chủ đầu tư với người dân thông qua Người đại diện (là người do những người dân trong xã tham gia xây dựng bầu; có thể là tổ, đội xây dựng hay nhóm người có một người đứng ra chịu trách nhiệm).

+ Bảng xác định công việc hoàn thành đề nghị thanh toán theo mẫu tại phụ lục 04, Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Gói thầu người dân trong xã tự làm mức vốn tạm ứng tối đa bằng 50% giá trị hợp đồng nhưng không vượt kế hoạch vốn đầu tư bố trí trong năm cho gói thầu.

- Việc tạm ứng, thanh toán phải thông qua Người đại diện; trường hợp Người đại diện không có tài khoản, chủ đầu tư đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán bằng tiền mặt; Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công gói thầu; Chủ đầu tư và Ban giám sát cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

- Đối với các dự án ngân sách nhà nước hỗ trợ dưới 50% cơ chế quản lý, thanh toán do Ban quản lý và nhà tài trợ (nếu có) tự quy định.

Các gói thầu người dân trong xã tự làm thì không được thanh toán giá trị của các công việc người dân không thực hiện và thuế giá trị gia tăng trong dự toán công trình.

b. Đối với chi phí quản lý dự án và chi phí khác:

- Chi phí quản lý: Thực hiện theo Thông tư số 05/2014/TT-BTC ngày 06/01/2014 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn NSNN và vốn TPCP; Công văn số 752/STC-TCĐT ngày 11/4/2014 của Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện Thông tư 05/2014/TT-BTC.

- Chi phí giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng:

Thực hiện theo quy định tại Phần IV Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC; văn bản số 809/STC-ĐT ngày 15/5/2012 của Sở Tài chính hướng dẫn một số nội dung về GSCĐ đối với dự án đầu tư XD CB.

Cụ thể:

- Lập phê duyệt dự toán kinh phí, bao gồm:
 - + Mua văn phòng phẩm, thông tin liên lạc
 - + Chi pho tô, đánh máy tài liệu, báo cáo giám sát;
 - + Chi vận hành cho các cuộc họp, hội nghị giám sát (quy định tại thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài Chính về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị công lập).
 - + Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên ban GSĐT cộng đồng;
 - + Mức chi thù lao cho các thành viên tối đa không quá 70% mức lương tối thiểu (hệ số 1)/1người/1tháng. Nếu tham gia nhiều dự án thì tối đa là 100% lương tối thiểu (hệ số 1).

Lưu ý:

*Hồ sơ thanh toán giám sát cộng đồng các dự án NS xã:

- Văn bản giao nhiệm vụ của chủ đầu tư
- Dự toán ban giám sát đầu tư của cộng đồng (UBND xã phê duyệt)
- Thanh toán về TKTG UBND xã.

Lưu ý: Đối với những dự án nhỏ (có giá trị dưới 500 triệu đồng); dự án do người dân trong xã tự làm mà chủ đầu tư không đủ năng lực giám sát và không thuê được tư vấn giám sát thì công xây dựng công trình, thì chủ đầu tư trình người quyết định đầu tư giao cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình. Định mức giám sát tối đa là 60% định mức do Bộ Xây dựng quy định.

- Chi phí tư vấn: Thực hiện theo định mức dự toán duyệt theo quy định hiện hành của Bộ Xây dựng. Trường hợp các chi phí tư vấn do chủ đầu tư tự thực hiện: chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, chi phí giám sát thi công... hồ sơ thanh toán bao gồm:

- + Văn bản giao nhiệm vụ;
- + Hợp đồng nội bộ;
- + Báo cáo kết quả thực hiện, kèm bảng tính giá trị quyết toán kinh phí;
- + Định mức được hưởng tối đa bằng 60% định mức chi phí tư vấn theo quy định hiện hành.

2.3. Một số lưu ý khác:

- Đối với công trình giao cho nhà thầu thực hiện, từng lần tạm ứng phải có bảo lãnh tạm ứng (bản sao y có đóng dấu của chủ đầu tư);

- Thời gian thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2015 đến ngày 30/6/2016 theo quy định tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các dự án khởi công mới thuộc Chương trình MTQG về Nông thôn mới được sử dụng vốn TPCP không phải phê duyệt trước 31/10 năm trước năm kế hoạch và văn bản thẩm định nguồn vốn.

2.4. Thời hạn xử lý hồ sơ:

- Đối với tạm ứng và thanh toán từng lần: 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp pháp, hợp lệ;

- Đối với hồ sơ thanh toán một lần và thanh toán lần cuối: 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp pháp, hợp lệ.

- Đối với cuối năm: Thực hiện theo đúng Thông tư 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm; các văn bản hướng dẫn bổ sung của Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước có liên quan (nếu có).

3. Hồ sơ thanh toán vốn sự nghiệp:

Quy định về hồ sơ thủ tục và chế độ kiểm soát, thanh toán theo quy định tại Thông tư 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát chi NSNN qua Kho bạc Nhà nước. Cụ thể như sau:

3.1. Đối với vốn hỗ trợ phát triển sản xuất; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất; hỗ trợ vườn mẫu; xây dựng vườn mẫu.

- Quyết định phân bổ vốn của UBND xã (chi tiết nội dung và nguồn vốn thực hiện);

- Quyết định của xã về trích ngân sách hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện mô hình...

- Dự toán kinh phí được duyệt;

- Hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ hoặc văn bản ký kết giữa người mua và người bán có xác nhận của xã (đối với loại phải hợp đồng);

- Biên bản nghiệm thu; kèm bảng kê chứng từ thanh toán;

- Các chứng từ khác có liên quan (hoá đơn, chứng từ mua giống, vật tư...);

Đối với các vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hoá khác mua của dân (không có hoá đơn) thì giá cả phải phù hợp với mặt bằng chung của thị trường trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ thanh toán là giấy biên nhận mua bán của các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn nơi bán, được UBND xã xác nhận.

3.2. Đối với Tập huấn, Đào tạo cán bộ xây dựng nông thôn mới.

- Dự toán kinh phí;

- Hợp đồng, nghiệm thu thanh lý hợp đồng hoặc báo cáo kết quả thực hiện trong trường hợp có thuê giảng viên, hội trường, loa máy...(nếu có);

- Bảng kê chứng từ thanh toán;

+ Mức chi biên soạn chương trình, giáo trình áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT- BTC-LĐTĐ ngày 30/7/2010 của liên

bộ Tài chính- Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

+ Chi trả tiền ăn, đi lại, văn phòng phẩm, nước uống và các khoản chi khác cho học viên, đại biểu trong thời gian đào tạo theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

3.3. Vốn hỗ trợ lãi suất:

- Kế hoạch vốn được phân bổ;

- Quyết định hỗ trợ lãi suất vốn vay của UBND xã kèm theo danh sách các hộ được hỗ trợ (trong đó phải xác định rõ nội dung và nguồn vốn hỗ trợ).

- Biên bản kiểm tra xác nhận đối tượng, điều kiện và mức hỗ trợ đối với khách hàng (do Ban quản lý phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện).

- Danh sách nhận tiền của khách hàng (trường hợp thanh toán).

Lưu ý: để tạo điều kiện chủ động cho Ban quản lý, căn cứ vào kế hoạch vốn được phân bổ và Giấy xác nhận hoặc bảng kê xác nhận khách hàng được hỗ trợ do tổ chức tín dụng cung cấp, Ban quản lý xã được tạm ứng một khoản kinh phí để chi trả cho các đối tượng vay. Định kỳ 3-6 tháng thanh toán hoàn ứng với Kho bạc Nhà nước huyện nơi giao dịch.

- Hạch toán kinh phí: Hạch toán vào chi thường xuyên của xã.

+ Chương 860;

+ Khoản: Căn cứ lĩnh vực được hỗ trợ để hạch toán (hỗ trợ phục vụ chăn nuôi khoản 012, phục vụ trồng trọt thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp khoản 011...)

+ Tiêu mục 7758.

3.4. Thời gian xử lý hồ sơ:

- Trường hợp thanh toán các khoản chi có hồ sơ đơn giản: thời hạn xử lý trong một ngày làm việc.

- Trường hợp thanh toán khoản chi có hồ sơ phức tạp: thời hạn xử lý là 02 ngày làm việc.

- Trường hợp thanh toán tạm ứng: thời hạn xử lý tối đa là 03 ngày làm việc.

4. Hồ sơ ghi thu, ghi chi:

Đối với các công trình huy động nguồn đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân bằng ngày công, hiện vật để đầu tư xây dựng công trình phải thực hiện ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định. Căn cứ Hồ sơ thực hiện đầu tư xây dựng công trình được nghiệm thu, quyết toán, UBND xã lập Lệnh ghi thu (nguồn đóng góp), ghi chi (đầu tư công trình) gửi KBNN kèm theo các hồ sơ sau:

- Đối với các công trình chưa có hồ sơ thanh toán tại KBNN:

+ Dự toán đầu tư công trình và quyết định phê duyệt dự toán đầu tư công trình.

+ Quyết định của UBND cấp huyện cho phép áp dụng cơ chế đặc thù (theo Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND tỉnh).

+ Văn bản của người quyết định đầu tư cho phép người dân tự làm (nếu trong quyết định phê duyệt dự toán chưa quy định rõ)

+ Hợp đồng với giữa chủ đầu tư với người đại diện của tổ, nhóm thợ hoặc cộng đồng dân cư.

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (theo mẫu tại phụ lục 04, Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính).

+ Quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành

- Đối với các dự án, công trình đã có hồ sơ thanh toán tại KBNN huyện chỉ cần gửi KBNN huyện thêm văn bản phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành.

IV. HẠCH TOÁN, TỔNG HỢP VÀ THEO DÕI NGUỒN VỐN

1. Hạch toán

- Tất cả các nguồn vốn trực tiếp để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (gồm ngân sách Trung ương, ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, vốn Trái phiếu Chính Phủ và nguồn đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân), khi sử dụng (gồm cả tạm ứng và thanh toán) phải hạch toán vào mã chương trình MTQG 0391.

- Tổng hợp, làm thủ tục ghi thu, ghi chi đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước các nguồn đóng góp của nhân dân, các khoản ủng hộ, tài trợ để xây dựng nông thôn mới, nhằm phản ánh chính xác, đầy đủ nguồn lực đã huy động để thực hiện Chương trình nông thôn mới.

2. Kế toán

Nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giao cho xã quản lý, thực hiện được hạch toán, theo dõi trên cùng hệ thống sổ kế toán của xã (bao gồm qua ngân sách xã và nguồn vốn không qua ngân sách xã như vốn Trái phiếu Chính phủ, vốn chương trình MTQG và nguồn mục tiêu khác trên địa bàn) theo quy định của Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã ban hành kèm theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính; sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 146/2011/TT-BTC ngày 26/10/2011 của Bộ Tài chính.

UBND xã phải mở sổ chi tiết theo dõi hoạt động thu, chi nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đảm bảo phục vụ tốt cho việc tổng hợp, báo cáo và thanh tra, kiểm tra, kiểm toán...

3. Tổng hợp quyết toán

- Tổng hợp quyết toán ngân sách theo niên độ:

+ Nguồn vốn ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giao cho xã quản lý, sử dụng (qua ngân sách xã) được tổng hợp quyết toán chung vào ngân sách xã theo niên độ ngân sách quy định.

+ Nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được tổng hợp quyết toán vào ngân sách Trung ương, UBND xã tổng hợp kết quả giải ngân theo niên độ báo cáo Sở Tài chính, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

- Ngoài tổng hợp quyết toán theo niên độ ngân sách, UBND xã phải có tổng hợp quyết toán riêng nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đảm bảo thực hiện tốt chế độ báo cáo theo yêu cầu và tổng hợp, theo dõi nguồn lực lũy kế từ khi thực hiện đến khi kết thúc Chương trình.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

UBND cấp huyện thực hiện chế độ báo cáo kết quả phân bổ, huy động và sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo các nội dung cụ thể sau:

1. Báo cáo phân bổ nguồn vốn

1.1. Nội dung báo cáo: Tổng hợp báo cáo kết quả phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ bố trí trực tiếp để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại cấp huyện và cấp xã.

1.2. Biểu mẫu báo cáo: Tổng hợp số liệu báo cáo theo biểu số 01DT và 02DT (đính kèm).

1.3. Thời gian báo cáo: Chậm nhất sau 30 ngày sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Trường hợp UBND cấp huyện hoặc xã có quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung nguồn vốn thì chậm nhất sau 10 ngày (sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung), UBND cấp huyện phải kịp thời điều chỉnh, báo cáo bổ sung gửi các cơ quan theo quy định.

2. Báo cáo số liệu huy động và sử dụng nguồn vốn

2.1. Nội dung báo cáo: Tổng hợp báo cáo kết quả huy động và sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn (theo tháng).

2.2. Biểu mẫu báo cáo: Tổng hợp số liệu báo cáo theo các biểu 01TH, 02TH, 03TH, 04TH (đính kèm).

2.3. Số liệu báo cáo: Số liệu của tháng báo cáo được tính từ ngày 15 của tháng trước đến ngày 15 tháng báo cáo (có dự ước số liệu).

2.4. Thời gian báo cáo:

- Báo cáo nhanh: Định kỳ vào thứ 5 hàng tuần.
- Báo cáo bằng văn bản: Gửi trước ngày 15 của tháng báo cáo.

3. Hình thức gửi báo cáo: Báo cáo gửi bằng văn bản (kèm theo biểu số liệu báo cáo quy định) gửi bằng đường công văn và qua hộp thư điện tử (email) hoặc phần mềm điều hành tác nghiệp (nếu có).

4. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh và Văn phòng Điều phối thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh.

Căn cứ nội dung trên, UBND cấp huyện quy định, hướng dẫn cụ thể nội dung, biểu mẫu, thời gian báo cáo kết quả thực hiện cho UBND xã và các đơn vị sử dụng ngân sách, đảm bảo thực hiện tốt chế độ báo cáo theo yêu cầu.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Văn phòng điều phối NTM tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Kho bạc Nhà nước tỉnh để phối hợp, giải quyết./.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC



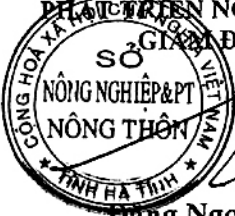
Trần Tú Anh

SỞ TÀI CHÍNH
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Sơn

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Sơn

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH
GIÁM ĐỐC



Phan Đình Tỷ

VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH NTM TỈNH



*Trần Huy Oánh

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực BCĐ xây dựng NTM tỉnh;
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND, BCĐ Chương trình NTM các huyện, thành phố, thị xã (để tổ chức thực hiện);
- UBND, BCĐ Chương trình NTM các xã (do UBND cấp huyện sao gửi);
- Lưu VT các ngành.

DANH MỤC BÁO CÁO

TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI.

| TT | Nội dung | Số biểu | Ghi chú |
|----|---|--------------|---------|
| I | Báo cáo phân bổ nguồn vốn | | |
| 1 | Báo cáo kết quả phân bổ nguồn vốn trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM | Biểu số 01DT | |
| 2 | Báo cáo kết quả phân bổ nguồn trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tại các đơn vị và UBND xã | Biểu số 02DT | |
| II | Báo cáo tình hình huy động và sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM | | |
| 1 | Báo cáo nguồn vốn trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM | Biểu số 01TH | |
| 2 | Báo cáo nguồn vốn huy động đóng góp của Nhân dân và tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện chương trình NTM | Biểu số 02TH | |
| 3 | Báo cáo nguồn vốn thực hiện các đề án, chính sách và dự án, công việc trên địa bàn xã xây dựng nông thôn mới | Biểu số 03TH | |
| 4 | Báo cáo nguồn vốn doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác đầu tư PTSX, chế biến trên địa bàn xã xây dựng nông thôn mới | Biểu số 04TH | |

BÁO CÁO PHÂN BỐ NGUỒN VỐN TRỰC TIẾP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND HUYỆN (THỊ XÃ, THÀNH PHỐ) NĂM 2015

(Dùng cho UBND cấp huyện báo cáo kết quả theo các quyết định hoặc thông báo của UBND cấp huyện)

ĐVT: Triệu đồng.

| TT | Nội dung | Số tiền | | | | Trái phiếu Chính phủ | Ghi chú |
|-----------|--|-----------|-------------------|------------------|--------------|----------------------|---------|
| | | Tổng cộng | Ngân sách các cấp | | | | |
| | | | Cộng | NSTW và cấp tỉnh | NS cấp huyện | | |
| I | Tổng cộng nguồn vốn | | | | | | |
| 1 | Nguồn vốn năm trước chuyển sang | | | | | | |
| 2 | Nguồn vốn bổ sung trong năm | | | | | | |
| II | Nguồn vốn đã phân bổ (1) | | | | | | |
| A | Tổng hợp theo nội dung phân bổ (2) | | | | | | |
| 1 | Đầu tư phát triển | | | | | | |
| 2 | Vốn sự nghiệp | | | | | | |
| - | Hỗ trợ trực tiếp PTSX | | | | | | |
| - | Hỗ trợ lãi suất | | | | | | |
| - | Điều chỉnh đề án XD NTM | | | | | | |
| - | Điều chỉnh đề án PTSX nâng cao thu nhập dân cư nông thôn | | | | | | |
| - | Xây dựng MHSX quy mô KT hộ có liên kết với Doanh nghiệp | | | | | | |
| - | Kinh phí môi trường | | | | | | |
| - | Khu dân cư NTM kiểu mẫu | | | | | | |
| - | Xây dựng vườn mẫu | | | | | | |
| - | Xã NTM kiểu mẫu | | | | | | |

| TT | Nội dung | Số tiền | | | | Trái phiếu Chính phủ | Ghi chú |
|------------|--|-----------|-------------------|------------------|--------------|----------------------|-------------------------------|
| | | Tổng cộng | Ngân sách các cấp | | | | |
| | | | Cộng | NSTW và cấp tỉnh | NS cấp huyện | | |
| - | Hỗ trợ KP sử dụng chế phẩm sinh học HATIMIC | | | | | | |
| - | Hỗ trợ CTVS hộ gia đình | | | | | | |
| - | Đào tạo, tuyên truyền, tập huấn | | | | | | |
| - | Quản lý, chỉ đạo, điều hành | | | | | | |
| - | Khác | | | | | | |
| B | Tổng hợp theo đơn vị được phân bổ (3) | | | | | | |
| 1 | Văn phòng nông thôn mới cấp huyện | | | | | | |
| 2 | UBND các xã | | | | | | |
| 2.1 | Xã A | | | | | | |
| 2.2 | Xã B | | | | | | |
| 2.3 | | | | | | | |
| III | Kinh phí còn lại chưa phân bổ | | | | | | |
| 1 | (chỉ tiết nội dung nguồn vốn chưa phân bổ) | | | | | | Báo cáo rõ lý do chưa phân bổ |
| 2 | (chỉ tiết nội dung nguồn vốn chưa phân bổ) | | | | | | |

....., ngày ..tháng..... năm

VĂN PHÒNG NTM HUYỆN (TP, TX)

TRƯỞNG PHÒNG TC-KH HUYỆN (TP, TX)

UBND HUYỆN (TP, TX)

Ghi chú: Nguồn vốn đã phân bổ (1) được tổng hợp theo cả 2 tiêu chí *Nội dung phân bổ (2)* và *Đơn vị được phân bổ (3)*.

UBND HUYỆN (TP, TX)....

Biểu số 02DT

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN BỐ NGUỒN VỐN TRỰC TIẾP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI CÁC ĐƠN VỊ VÀ UBND XÃ NĂM 2015

(Dùng cho UBND cấp huyện tổng hợp kết quả phân bổ tại các đơn vị và UBND cấp xã)

DVT: Triệu đồng.

| TT | Nội dung | Số tiền | | | | | Ghi chú | |
|-----------|--|-----------|-------------------|---------------------|-----------------|-----------|---------|-----------------------------|
| | | Tổng cộng | Ngân sách các cấp | | | | | Vốn Trái phiếu Chính phủ |
| | | | Cộng | NSTW và cấp tỉnh | NS cấp huyện | NS xã (2) | | |
| I | Nguồn vốn được phân bổ (1) | | | | | | | |
| 1 | Nguồn vốn năm trước chuyển sang | | | | | | | |
| 2 | Nguồn vốn bổ sung trong năm | | | | | | | |
| II | Nguồn vốn đã phân bổ | | | | | | | |
| 1 | Văn phòng nông thôn mới cấp huyện | | | | | | | |
| 1.1 | Đào tạo | | | | | | | |
| 1.2 | Tuyên truyền, tập huấn | | | | | | | |
| 1.3 | Quản lý, điều hành | | | | | | | |
| 1.4 | Khác | | | | | | | |
| 2 | UBND các xã | | | | | | | |
| 2.1 | Đầu tư phát triển | | | | | | | |
| 2.2 | Vốn sự nghiệp | | | | | | | |
| - | Hỗ trợ trực tiếp PTSX | | | | | | | |
| - | Hỗ trợ lãi suất | | | | | | | |
| - | Điều chỉnh để án XD NTM | | | | | | | |
| - | Điều chỉnh để án PTSX nâng cao thu nhập dân cư nông thôn | | | | | | | |

| TT | Nội dung | Số tiền | | | | Vốn Trái phiếu Chính phủ | Ghi chú |
|-----|---|-----------|-------------------|------------------|--------------|--------------------------|---------|
| | | Tổng cộng | Ngân sách các cấp | | | | |
| | | | Cộng | NSTW và cấp tỉnh | NS cấp huyện | | |
| - | Xây dựng MHSX quy mô KT hộ có liên kết với Doanh nghiệp | | | | | | |
| - | Kinh phí môi trường | | | | | | |
| - | Khu dân cư NTM kiểu mẫu | | | | | | |
| - | Xây dựng vườn mẫu | | | | | | |
| - | Xã NTM kiểu mẫu | | | | | | |
| - | Hỗ trợ KP sử dụng chế phẩm sinh học HATIMIC | | | | | | |
| - | Hỗ trợ CTVS hộ gia đình | | | | | | |
| - | Đào tạo, tuyên truyền, tập huấn | | | | | | |
| - | Quản lý, chỉ đạo, điều hành | | | | | | |
| - | Khác | | | | | | |
| III | Kinh phí còn lại chưa phân bổ | | | | | | |
| 1 | (Chi tiết nội dung nguồn vốn chưa phân bổ) | | | | | | |
| 2 | (Chi tiết nội dung nguồn vốn chưa phân bổ) | | | | | | |

....., ngày ... tháng ... năm 20...

VĂN PHÒNG NTM HUYỆN (TP, TX)

TRƯỞNG PHÒNG TC-KH HUYỆN (TP, TX)

UBND HUYỆN (TP, TX)

Ghi chú: - Nguồn vốn được phân bổ (1): Bao gồm nguồn vốn được phân bổ theo quyết định của UBND cấp huyện (đối với nguồn vốn NSTW, NS tỉnh, NS huyện và nguồn Trái phiếu Chính Phủ) và nguồn vốn ngân sách xã bố trí theo Nghị quyết của HĐND cấp xã hoặc quyết định của UBND cấp xã).

- Nguồn ngân sách xã (2) không bao gồm nguồn vốn đóng góp của Nhân dân và hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân để XD nông thôn mới.

BÁO CÁO NGUỒN VỐN TRỰC TIẾP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (1)

THÁNG NĂM 2015

ĐVT: Triệu đồng.

| TT | Nội dung | I. Nguồn vốn huy động (2) | | | | | | | | | | II. Nguồn vốn đã sử dụng (3) | | | | | | | | | | III. Nguồn vốn còn lại chưa sử dụng chuyển kỳ sau | | | | | |
|-----|---|---------------------------|------|------------|--------------|-----------|-----------------------|------|------------|--------------|-----------|------------------------------|------|------------|--------------|-----------|-------------------|------|------------|--------------|-----------|---|------|------------|--------------|-----------|------------|
| | | 1. Năm trước chuyển sang | | | | | 2. Huy động trong năm | | | | | 1. Sử dụng trong tháng | | | | | Lấy kể từ đầu năm | | | | | | | | | | |
| | | Tổng cộng | Công | NSTW, tỉnh | NS cấp huyện | NS cấp xã | Trái phiếu | Công | NSTW, tỉnh | NS cấp huyện | NS cấp xã | Trái phiếu | Công | NSTW, tỉnh | NS cấp huyện | NS cấp xã | Trái phiếu | Công | NSTW, tỉnh | NS cấp huyện | NS cấp xã | Trái phiếu | Công | NSTW, tỉnh | NS cấp huyện | NS cấp xã | Trái phiếu |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Kinh phí đã phân bổ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Đầu tư phát triển | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.2 | Vốn sự nghiệp | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Hỗ trợ trực tiếp PT SX | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Hỗ trợ tài sản | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Điều chỉnh đề án XD NTM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Điều chỉnh đề án PT SX nâng cao thu nhập dân cư nông thôn | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Xây dựng MDSX quy mô KT hộ có liên kết với Doanh nghiệp | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Kinh phí môi trường | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Khu dân cư NTM kiểu mẫu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Xây dựng vườn mẫu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Xã NTM kiểu mẫu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Hỗ trợ KP sử dụng chế phẩm sinh học NATOMIC | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Hỗ trợ CTVS hộ gia đình | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Đào tạo, tuyên truyền, tập huấn | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quản lý, chỉ đạo, điều hành | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Khác | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Nội dung | I. Nguồn vốn huy động (2) | | | | | II. Nguồn vốn đã sử dụng (3) | | | | | III. Nguồn vốn còn lại chưa sử dụng chuyển kỳ sau | | | | | | | |
|----|---|---------------------------|--------------------------|------------|--------------|-----------------------|------------------------------|------------------------|------------|--------------|-----------|---|-------------------|------------|--------------|-----------|------------|--|--|
| | | Tổng cộng | 1. Nhận nước chuyển sang | | | 2. Huy động trong năm | | 1. Sử dụng trong tháng | | | | | Lấy kể từ đầu năm | | | | | | |
| | | | Cộng | NSTW, tỉnh | NS cấp huyện | NS cấp xã | Trái phiếu | Cộng | NSTW, tỉnh | NS cấp huyện | NS cấp xã | Trái phiếu | Cộng | NSTW, tỉnh | NS cấp huyện | NS cấp xã | Trái phiếu | | |
| II | KP còn lại chưa phân bổ | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng MHSX quy mô KT hộ có liên kết với Doanh nghiệp | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Hỗ trợ CTVS hộ gia đình | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Đào tạo, tuyên truyền, tập huấn | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

KBNN HUYỆN (TP, TX)

VĂN PHÒNG NTM
HUYỆN (TP, TX)

PHÒNG TC-KH HUYỆN (TP, TX)

UBND HUYỆN (TP, TX)

Ghi chú: - Nguồn vốn trực tiếp thực hiện chương trình (1) bao gồm nguồn vốn NS các cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã), vốn trái phiếu Chính Phủ được bố trí trực tiếp để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM (khi sử dụng phải được gắn mã CTMT 0391); riêng vốn ngân sách xã không bao gồm số vốn huy động đóng góp của nhân dân để thực hiện Chương trình nông thôn mới đã nộp vào NSNN hoặc đã thực hiện ghi thu, ghi chi vào NSNN (được tổng hợp ở biểu số 02TH).

- Nguồn vốn huy động (2): Bao gồm các nguồn vốn bố trí trực tiếp thực hiện Chương trình theo quyết định của UBND cấp huyện và cấp xã.
- Nguồn vốn đã sử dụng (3): Bao gồm cả số vốn tạm ứng thanh toán và số vốn đã thanh toán.

**BẢO CÁO NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP CỦA NHÂN DÂN VÀ TÀI TRỢ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (1)
THÁNG ... NĂM 2015**

ĐVT: Triệu đồng.

| TT | Nội dung | Tổng số | | Trong đó | | | |
|-----------|---|-------------|-------------------|--|-------------------|--|-------------------|
| | | Trong tháng | Lũy kế từ đầu năm | 1. Đã nộp hoặc đã ghi thu - ghi chi vào NSNN (2) | | 2. Chưa nộp hoặc chưa ghi thu - ghi chi vào NSNN (3) | |
| | | | | Trong tháng | Lũy kế từ đầu năm | Trong tháng | Lũy kế từ đầu năm |
| I | Vốn đóng góp của nhân dân | | | | | | |
| 1 | Đóng góp bằng tiền | | | | | | |
| 2 | Đóng góp bằng hiện vật, ngày công, hiến đất, hiến cây.... | | | | | | |
| II | Vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân | | | | | | |
| 1 | Hỗ trợ bằng tiền | | | | | | |
| 2 | Hỗ trợ bằng hiện vật, ngày công.... | | | | | | |

....., ngày ... tháng.... năm.....

VĂN PHÒNG NTM HUYỆN (TP, TX)

PHÒNG TC - KH HUYỆN (TP, TX)

UBND HUYỆN (TP, TX)

Ghi chú:

- Nguồn vốn đóng góp, tài trợ (1) bao gồm nguồn huy động đóng góp của nhân dân và tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Ngoài số vốn đóng góp, tài trợ của nhân dân và các tổ chức cá nhân để thực hiện các đề án, chính sách và dự án, nhiệm vụ khác trên địa bàn các xã đã được tổng hợp ở biểu số 03TH).

- Đã nộp hoặc đã ghi thu - ghi chi vào NSNN (2): Là nguồn huy động đóng góp của nhân dân, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện chương trình NTM đã nộp vào NSNN hoặc đã ghi thu, ghi chi vào NSNN (khi sử dụng hoặc ghi thu, ghi chi vào NSNN phải gắn mã CTMT 0391).

- Chưa nộp hoặc chưa ghi thu - ghi chi vào NSNN (3): Là nguồn huy động đóng góp của nhân dân, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện chương trình NTM chưa nộp vào NSNN hoặc chưa làm thủ tục ghi thu, ghi chi vào NSNN.

| TT | Nội dung | Kinh phí thực hiện | | | | | | | | | | | | |
|-----|---|-----------------------|------------|--------------|-----------|---|-------------------|------|------------|--------------|-----------|---|------------|--|
| | | Phát sinh trong tháng | | | | | Lũy kế từ đầu năm | | | | | | | |
| | | Cộng | NSTW, tỉnh | NS cấp huyện | NS cấp xã | Nguồn đóng góp của ND, tài trợ của các tổ chức, cá nhân | Nguồn khác | Cộng | NSTW, tỉnh | NS cấp huyện | NS cấp xã | Nguồn đóng góp của ND, tài trợ của các tổ chức, cá nhân | Nguồn khác | |
| II | Nguồn vốn thực hiện các dự án, công việc khác trên địa bàn xã nông thôn mới (2) | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguồn vốn ngân sách các cấp đầu tư trực tiếp các công trình | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Nguồn vốn Chương trình MTQG | | | | | | | | | | | | | |
| - | (Tên từng chương trình MTQG đã thực hiện) | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Nguồn vốn trái phiếu | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Nguồn vốn tín dụng ưu đãi | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Các dự án có vốn đầu tư nước ngoài | | | | | | | | | | | | | |
| 5.1 | Dự án IFAD | | | | | | | | | | | | | |
| 5.2 | Dự án..... | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Nguồn khác | | | | | | | | | | | | | |
| - | (chỉ tiết theo từng nội dung nguồn vốn) | | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | |

....., ngày.... tháng.... năm....

VĂN PHÒNG NTM HUYỆN (TP, TX)

PHÒNG TC - KH HUYỆN (TP, TX)

UBND HUYỆN (TP, TX)

Ghi chú:

- Nguồn vốn thực hiện các đề án, chính sách (1): Tổng hợp các nguồn vốn để thực hiện các đề án, chính sách do Trung ương và các cấp chính quyền địa phương ban hành được triển khai trên địa bàn các xã.
- Nguồn vốn thực hiện các dự án, công việc khác (2): Tổng hợp các nguồn vốn để triển khai các dự án, công việc trên địa bàn xã (bao gồm cả nguồn vốn do cấp huyện, cấp tỉnh và trung ương làm chủ đầu tư) - Ngoài số vốn đã được tổng hợp ở nguồn vốn thực hiện các đề án, chính sách (1) ở mục I, biểu trên.

UBND HUYỆN (TX,TP)....

Biểu số 04TH

**BÁO CÁO NGUỒN VỐN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ VÀ CÁC LOẠI HÌNH KINH TẾ KHÁC ĐẦU TƯ PTSX, CHẾ BIẾN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NÔNG THÔN MỚI
THÁNG ... NĂM 2015**

| TT | Nội dung nguồn vốn | ĐVT | Số lượng | | Ghi chú |
|----|---|------------|-----------------|-------------------|---------|
| | | | P'S trong tháng | Lũy kế từ đầu năm | |
| 1 | Vốn Doanh nghiệp, hợp tác xã | Triệu đồng | | | |
| 2 | Vốn của các loại hình kinh tế khác (hộ gia đình...) | Triệu đồng | | | |
| 3 | Vốn tín dụng thương mại | | | | |
| - | Số lượt khách hàng vay | Khách hàng | | | |
| | Trong đó: Số lượt khách hàng được hỗ trợ lãi suất | Khách hàng | | | |
| - | Doanh số cho vay | Triệu đồng | | | |
| | Trong đó: Doanh số cho vay có hỗ trợ lãi suất | Triệu đồng | | | |
| - | Dự nợ vốn vay | Triệu đồng | | | |
| | Trong đó: Dự nợ vốn vay có hỗ trợ lãi suất | Triệu đồng | | | |

VĂN PHÒNG NTM CẤP HUYỆN

TRƯỞNG PHÒNG TC - KH CẤP HUYỆN

....., ngày ... tháng ... năm

UBND CẤP HUYỆN

Ghi chú: Tổng hợp các nguồn vốn của các Doanh nghiệp, hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác (gồm cả vốn vay tín dụng) đầu tư phát triển sản xuất, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp, môi trường theo tiêu chí nông thôn mới (đầu tư phát triển kinh tế trang trại, mô hình sản xuất, chăn nuôi...)